

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 3 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Côn.

2. Bà Nguyễn Thị Tua.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Thu H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Hải Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2023, nguyên đơn chị Lưu Thị Thu H trình bày: Qua quen biết và tìm hiểu. Đến năm 2019, giữa nguyên đơn với bị

đơn anh Lê Hải Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn; anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống. Do đó, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn. Về con chung: giữa chị H với anh Đ có 01 con chung tên Lê Trâm A, sinh ngày 13/9/2019, hiện nay do anh Đ đang nuôi dưỡng; khi ly hôn chị H thống nhất giao con cho anh Đ nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về phía bị đơn anh Lê Hải Đ: Quá trình thu thập chứng cứ mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về việc giải quyết vụ án.

Tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất và không thống nhất: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn chấp hành không đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị H với anh Đ được ly hôn; về con chung, tiếp tục giao cho anh Đ nuôi dưỡng, chị H chưa phải cấp dưỡng; nợ chung và tài sản chung không có, nên không xem xét; án phí đương sự phải nộp theo quy định; kiến nghị: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng.

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lê Hải Đ có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt các đương sự: Bị đơn anh Lê Hải Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; ngày 08/11/2023 chị Lưu Thị Thu H có đơn xin vắng mặt trong suốt thời gian giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào năm 2019, giữa nguyên đơn với bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Do đó, áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để giải quyết tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Thời điểm chị H với anh Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang thì anh chị đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn, quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay; nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống; theo biên bản xác minh ngày 22/11/2023 được chính quyền địa phương cung cấp: nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn thì chính quyền địa phương không rõ. Tuy nhiên, từ khi anh chị ly thân cho đến nay là một thời gian dài, nhưng các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn, để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị H với anh Đ có một con chung là cháu Lê Trâm A, sinh ngày 13/4/2019, hiện nay do anh Đ đang nuôi dưỡng; xét thấy, cháu Trâm A do anh Đ nuôi dưỡng từ khi anh chị ly thân cho đến nay, khi ly hôn chị H thống nhất giao cháu Trâm A cho anh Đ nuôi dưỡng. Để ổn định quyền lợi về mọi mặt của cháu Trâm A; căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án tiếp tục giao cháu Trâm A cho anh Đ nuôi dưỡng là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng con chung. Do đó, Tòa án chưa xem xét; sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn, anh Đ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Trong đơn khởi kiện chị H khẳng định về tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét. Trường hợp có yêu cầu chia tài sản chung, đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Do chị H là nguyên đơn trong vụ án. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị H phải chịu án phí sơ thẩm. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 92, các Điều 93, 94, 95, 97, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, các Điều 232, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Thu H.

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Lưu Thị Thu H với anh Lê Hải Đ được ly hôn.

2. *Về con chung:* Giao cháu Lê Trâm A, sinh ngày 13/4/2019 cho anh Lê Hải Đ được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Lưu Thị Thu H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, nên không đề cập đến.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Lưu Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008362, ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị H đã nộp xong.

5. *Quyền kháng cáo:* Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS h.Vị Thủy;
- UBND xã Vị Trung, h.Vị Thủy-HG
(nơi Đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;
- Công TTĐT (để công bố);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

